

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 11 - 6 - 2018.
V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Đức Chạc.

- Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Ngày 11/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2017/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXX-ST ngày 14/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N – Sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Khối Đ, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn K – Sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Đội 3 HTX P, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị N và anh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt (đã có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng trong đơn khởi kiện lập ngày 20/10/2017 cũng như lời khai của chị Nguyễn Thị N tại các buổi làm việc thể hiện: Chị kết hôn với anh Trần Văn K vào tháng 01/2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, mặc dù đã được gia đình động viên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến tháng 05/2017 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh K không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn K.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N trình bày giữa chị và anh K có một con chung là cháu Trần Ngọc Bảo Q, sinh ngày 16/8/2013 kể từ khi vợ chồng ly thân con chung do chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị N xin nhận trực tiếp nuôi cháu Q và không yêu cầu anh K phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung của vợ chồng chị N khai vợ chồng chị không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí chị N đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn K vắng mặt (anh K đã có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng tại các buổi làm việc anh Trần Văn K trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị N vào tháng 01/2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, đến tháng 5/2017 thì vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh thì anh cũng hoàn toàn nhất trí.

Về con chung anh Trần Văn K xác định vợ chồng có một con chung là cháu Trần Ngọc Bảo Q, sinh ngày 16/8/2013 kể từ khi vợ chồng ly thân con chung do chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay vợ chồng ly hôn thì anh K có quan điểm nhất trí để chị N nuôi con chung và anh không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị N.

Về tài sản chung anh K xác định vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn K cư trú tại huyện N. Nay chị Nguyễn Thị N có đơn xin ly hôn anh Trần Văn K và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn K đều vắng mặt nhưng chị N và anh K đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn K vào tháng 01 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Mặc dù được gia đình hai bên động viên khuyên giải nhưng không thành vợ chồng ly thân nhau từ tháng 5/2017. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng chị được ly hôn. Anh Trần Văn K có quan điểm cũng hoàn toàn đồng ý ly hôn với chị N. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh K là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn K có một con chung là cháu Trần Ngọc Bảo Q, sinh ngày 16/8/2013 kể từ khi vợ chồng ly thân con chung do chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị N xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh K phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N, phía anh K cũng nhất trí. Thấy việc thỏa thuận của chị N và anh K là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật vì vậy được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn K đều thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] - Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn K.

[2] - Về con chung: Xử giao cháu Trần Ngọc Bảo Q, sinh ngày 16/8/2013 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải đóng góp cấp dưỡng

nuôi con cùng chị N. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

[3] - Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số BB/2012/06154 ngày 13/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương